

Số: /SNN&PTNT-TT&BVTV Thanh Hóa, ngày tháng năm 2023

V/v đánh giá kết quả sản xuất Trồng
trọt năm 2023, triển khai Kế hoạch sản
xuất Trồng trọt năm 2024.

Kính gửi: Cục Trồng trọt – Bộ Nông nghiệp và PTNT.

Thực hiện Công văn số 1095/TT-CLT, ngày 6/11/2023 của Cục Trồng trọt về việc báo cáo “Tổng kết sản xuất năm 2023, triển khai kế hoạch sản xuất năm 2024 các tỉnh phía Bắc”; Sở Nông nghiệp và PTNT Thanh Hoá báo cáo như sau:

1. Đánh giá thuận lợi, khó khăn trong sản xuất, bài học kinh nghiệm trong chỉ đạo sản xuất năm 2023.

Sản xuất Trồng trọt năm 2023 diễn ra trong điều kiện thời tiết nhìn chung khá thuận lợi cho cây trồng sinh trưởng phát triển, dịch bệnh Covid-19 tiếp tục được kiểm soát chặt chẽ; các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về nông nghiệp, nông thôn, nông dân được ban hành tiếp tục hỗ trợ hiệu quả cho phát triển sản xuất trồng trọt; sự nỗ lực cố gắng của các cấp, các ngành, cộng đồng doanh nghiệp và bà con nông dân; các điều kiện phục vụ sản xuất như vật tư giống, phân bón, công trình giao thông, thủy lợi, cơ giới hóa, ... ngày càng được đáp ứng tốt hơn; đặc biệt là giá nông sản nhất là lúa gạo tăng đã tạo động lực cho bà con nông dân đầu tư phát triển trồng trọt.

Tuy nhiên, bên cạnh đó sản xuất trồng trọt vẫn gặp những khó khăn, thách thức như: lượng mưa ít, phân bố không đồng đều; nắng nóng kéo dài nhất là cuối vụ Xuân đầu vụ Mùa, vừa thiếu nước, vừa thiếu điện phục vụ sản xuất; sâu bệnh cuối vụ Mùa có diễn biến phức tạp; chiến tranh Nga - Ukraine, sự bất ổn của hệ thống tài chính trên thế giới, giá vật tư đầu vào vẫn ở mức cao, ... Song, dưới sự chỉ đạo tập trung của Bộ Nông nghiệp và PTNT, Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh Thanh Hóa, sự phối hợp tích cực của các cấp, các ngành, sự nỗ lực của ngành Nông nghiệp và PTNT, sự đồng hành của cộng đồng doanh nghiệp và sự tin tưởng, ủng hộ của các tầng lớp Nhân dân, nên sản xuất trồng trọt nói riêng đã đạt được kết quả khá toàn diện, góp phần vào tăng trưởng, phát triển kinh tế chung của toàn ngành Nông nghiệp và PTNT của tỉnh.

2. Tình hình sản xuất lúa năm, rau màu 2023 (vụ Đông Xuân 2022-2023, vụ Hè Thu, vụ Mùa 2023, so với năm 2022). Tiến độ sản xuất vụ Đông 2023 và giải pháp từ nay đến cuối vụ.

Sản xuất ngành trồng trọt năm 2023 giành thắng lợi toàn diện cả về diện tích, năng suất, sản lượng, giá trị và chất lượng

Tổng diện tích gieo trồng năm 2023 ước đạt 390,2 nghìn ha, đạt 99,8 % so với kế hoạch (KH) và 98,7 % so với cùng kỳ (CK). Sản lượng lương thực ước đạt 1.583.358 tấn đạt 103,6% KH và 100% so CK.

Giá trị sản phẩm thu được trên 01 ha đất trồng trọt năm 2023 ước đạt 120 triệu đồng/ha, tăng 5 triệu đồng/ha so với năm 2022.

Diện tích các cây trồng chính đạt năm 2023: lúa 225,7 nghìn ha, đạt 99,4% KH và 98,4% CK; ngô 38,7 nghìn ha, đạt 96,9% KH và 95% CK; lạc 8.430 ha, đạt 101,6% KH và 95,2% CK; rau đậu các loại 52.820 ha đạt 100% KH và 102,2 % so CK; sắn 12.357 ha, đạt 91,5% KH và 90,1% CK; mía 14.084ha, đạt 85,4% KH và 100,3% CK.

Năng suất các loại cây trồng chính: năng suất lúa bình quân 62 tạ/ha, tăng 3 tạ/ha so với KH, cao hơn 1,3 tạ/ha so CK và đạt cao nhất từ trước tới nay; năng suất ngô 47,2 tạ/ha, bằng 99,9% so với KH và 99,3 % so CK; năng suất lạc 22 tạ/ha, tăng 1 tạ/ha so với KH, bằng 98,7% CK; năng suất mía 680 tạ/ha, bằng 100% KH, tăng 25,1 tạ/ha so với CK; năng suất sắn 165 tạ/ha, bằng 103,1% KH, tăng 2,1 tạ/ha so với CK.

Sản lượng: lúa 1.400.268 tấn, đạt 104,6% KH và 100,6% CK; ngô 183.090 tấn, đạt 96,8% KH và 94,4% CK; lạc 18,5 nghìn tấn, đạt 106,4 % KH và 94 % CK; rau, đậu 685.900 tấn; sắn 203,9 nghìn tấn, đạt 94,4% KH và 91,3% CK; mía 957,7 nghìn tấn, đạt 85,4% KH, tăng 4,2% so CK.

(Chi tiết từng vụ sản xuất có biểu kèm theo).

Tiến độ sản xuất vụ Đông 2023-2024 đến 17/11/2023: Tổng diện tích gieo trồng vụ Đông ước đạt 42.237,4 ha/47.000, đạt 90% KH. Trong đó: ngô 12.608,7 ha/14.000 KH, đạt 90,1 %; lạc 1.220,8 ha/1.300 ha KH, đạt 93,9%; khoai lang 1.709,8 ha/2.000 ha KH, đạt 85,5%; ớt 1.265,9 ha, còn lại rau màu các loại và cây trồng khác.

Giải pháp từ nay đến cuối vụ: tăng cường mở rộng diện tích các cây vụ Đông ưa lạnh cung cấp cho thị trường nhất là vào dịp Tết Nguyên đán, đảm bảo đạt và vượt kế hoạch diện tích đề ra; đẩy mạnh liên kết sản xuất bao tiêu sản phẩm cây vụ Đông thông qua hợp đồng; đa dạng hóa các hình thức thông tin giới thiệu, tiêu thụ sản phẩm, nâng cao chất lượng, giá trị sản phẩm; thu hoạch sản phẩm đồng thời thu dọn tàn dư, chuẩn bị giải phóng đất để sản xuất vụ Xuân 2024.

3. Kết quả thực hiện chuyển đổi trồng lúa sang trồng các loại cây trồng khác năm 2023 và kế hoạch chuyển đổi trong năm 2024 (theo từng vụ trong năm).

Thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa đạt 2.458,9 ha/2.106 ha (đạt 116,8 %KH) từ đất trồng lúa năng suất thấp, kém hiệu quả sang các loại cây trồng hiệu quả cao hơn; trong đó: chuyển sang trồng cây hàng năm 1379,1 ha, cây lâu năm 772,4 ha và trồng lúa kết hợp thủy sản 307,4 ha.

Kế hoạch năm 2024: Tiếp tục chuyển đổi cơ cấu cây trồng theo định hướng sau: Vùng ven đô thị chuyển sang hoa công nghệ cao, nhà màng nhà lưới; vùng đất khó tưới ven biển chuyển sang rau quả có giá trị cao như khoai tây vụ xuân, dưa hê thu.....; vùng đất khó tưới trung du miền núi chuyển sang cây thức ăn chăn nuôi, mía, rau củ quả; vùng sâu trũng chuyển sang mô hình lúa – thủy sản luân phiên hoặc kết hợp. Phấn đấu năm 2024 chuyển đổi 1.275,8 ha trở lên (theo số liệu đăng ký của các huyện), trong đó có 1.000 ha đất lúa kém hiệu quả sang các loại cây trồng khác có hiệu quả kinh tế cao hơn hoặc kết hợp nuôi trồng thủy sản; Riêng việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa thực hiện

theo quy định tại Điều 56 Luật Trồng trọt số 31/2018/QH14 và Điều 13 Nghị định số 94/2019/NĐ-CP ngày 13/12/2019 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Trồng trọt về Giống cây trồng và canh tác.

(Chi tiết có biểu đính kèm)

4. Nêu một số mô hình sản xuất điển hình

Bước đầu đã hình thành và phát triển nông nghiệp theo hướng hữu cơ như Mô hình lúa - cá tại xã Hà Lĩnh, huyện Hà Trung quy mô trên 200 ha (*áp dụng sản xuất lúa theo hướng hữu cơ đã mang lại hiệu quả kinh tế rõ rệt, lợi nhuận cao hơn 11,0 - 13,0 triệu đồng/ha so với phương thức truyền thống, lợi nhuận về cá là 40,0 - 45,0 triệu đồng/ha; Mô hình làm thay đổi phương thức sản xuất nhờ tập trung đất đai, sản xuất đồng bộ, có sự so sánh cụ thể giữa cơ giới hóa và thủ công, có sự liên kết tạo thành chuỗi giá trị; cho hiệu quả sản xuất cao, đảm bảo chất lượng, tạo được giá trị gia tăng của sản phẩm, góp phần cải tạo đất đai, môi trường, hướng đến sản xuất đạt tiêu chuẩn hữu cơ*); Mô hình lúa rui Nông Công, Quảng Xương với quy mô 13 ha (*áp dụng sản xuất lúa theo hướng hữu cơ đã mang lại hiệu quả kinh tế rõ rệt so với trồng lúa bằng phương pháp truyền thống, lợi nhuận cao hơn 5,09 - 6,3 triệu đồng/ha so với phương thức truyền thống; mô hình chỉ sử dụng phân bón hữu cơ và thuốc BVTV có nguồn gốc sinh học; không gây ảnh hưởng xấu đến môi trường đất và nước, làm tăng hàm lượng dinh dưỡng hữu cơ trong đất, nước giúp tái tạo các sinh vật tự nhiên trong đất và nước; hệ sinh thái trên đồng ruộng được cải thiện, tạo môi trường thuận lợi cho Rươi, cáy phục hồi trở lại và tiềm năng phát triển nuôi Rươi kết hợp sản xuất lúa*); Mô hình Nuôi xen Tôm càng xanh - Lúa, quy mô 7,5 ha tại 2 xã Hà Hải, Lĩnh Toại (*áp dụng sản xuất lúa theo hướng hữu cơ đã mang lại hiệu quả kinh tế rõ rệt, lợi nhuận cao hơn 11,0 - 13,0 triệu đồng/ha so với phương thức truyền thống và lợi nhuận về Tôm càng xanh là 75,0 - 85,0 triệu đồng/ha; kiểm soát được tất cả các yếu tố đầu vào và đầu ra trong suốt quá trình nuôi, giảm thiểu dịch bệnh giảm ô nhiễm môi trường. Nguồn nước cấp vào ao nuôi cũng như thải ra môi trường phải qua hệ thống xử lý và được kiểm soát chặt chẽ theo đúng quy trình, chất lượng sản phẩm tốt*); Mô hình lúa hướng hữu cơ Yên Định, Nông Công 20 ha; mô hình bưởi hữu cơ Yên Định 12 ha; mô hình cam hướng hữu cơ Thạch Thành 45 ha.

5. Các chính sách hỗ trợ sản xuất

Các cơ chế chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp trong đó có lĩnh vực Trồng trọt của tỉnh tiếp tục được triển khai thực hiện:

+ Chính sách hỗ trợ sản xuất cây ăn quả tập trung: (Theo Nghị quyết số 185/2021/NQ-HĐND) Hỗ trợ xây dựng cơ sở hạ tầng (đường giao thông, điện, hệ thống cấp nước), hỗ trợ chi phí mua giống, thuê hướng dẫn kỹ thuật, đào tạo, tập huấn.

+ Chính sách khuyến khích tích tụ, tập trung đất đai: Hỗ trợ kinh phí chuyên nhượng QSDĐ và thuê QSDĐ để tích tụ tập trung đất đai, phát triển sản xuất nông nghiệp quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao (Theo Nghị quyết số 192/2019/NQ-HĐND ngày 16/10/2019 và Nghị quyết số 01/2023/NQ-HĐND

ngày 24/03/2023 về việc sửa đổi, bổ sung một số nghị quyết của HĐND tỉnh thuộc lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa).

+ Chính sách hỗ trợ phát triển rau an toàn: (Theo Nghị quyết số 185/2021/NQ-HĐND) Hỗ trợ xây dựng cơ sở hạ tầng (đường giao thông, hệ thống thủy lợi, điện, xử lý chất thải) vùng sản xuất rau tập trung chuyên canh, hỗ trợ chi phí thuê kiểm soát và chứng nhận hoặc duy trì chứng nhận sản xuất rau an toàn từ VietGAP trở lên.

+ Chính sách hỗ trợ phát triển cây gai xanh nguyên liệu (Theo Nghị quyết số 385/2021/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh).

6. Kế hoạch sản xuất vụ Đông Xuân 2023-2024, vụ Hè Thu, vụ Mùa 2024 và vụ Đông 2024 đánh giá thuận lợi, khó khăn và một số giải pháp trong chỉ đạo sản xuất; kiến nghị và đề xuất của địa phương.

**Mục tiêu:*

Năm 2024, Tổng diện tích gieo trồng cây hàng năm phần đầu đạt 388.000 ha; trong đó: vụ Đông 45.000 ha, vụ Đông Xuân 191.000 ha, vụ Thu Mùa 152.000 ha.

Sản lượng lương thực ổn định mức 1,5 triệu tấn.

Giá trị sản phẩm trồng trọt trên 01 ha canh tác đạt 125 triệu đồng/ha/năm trở lên (tăng 5 triệu đồng/ha/ so với năm 2023); Tốc độ tăng trưởng VA đạt 2,2% trở lên.

Diện tích, năng suất, sản lượng các cây trồng chính: Lúa 225.400 ha, năng suất bình quân 60 tạ/ha, sản lượng 1.352,4 nghìn tấn (*Trong đó, diện tích lúa nếp 16.000-19.000 ha (chiếm 7,1 - 8,43%) trở lên, năng suất BQ đạt 50 tạ/ha, tổng sản lượng lúa nếp đạt từ 80.000- 95.000 tấn/năm, tổng giá trị sản phẩm đạt khoảng 1.000 - 1.187,5 tỷ đồng/năm; diện tích liên kết sản xuất 7.000 ha trở lên*); Ngô 40.000 ha, năng suất 48 tạ/ha, sản lượng 192 nghìn tấn; Lạc 8.000 ha, năng suất 21 tạ/ha, sản lượng 16,8 nghìn tấn; Mía 16.500 ha, năng suất 680 tạ/ha; sản lượng 1.122 nghìn tấn. Sắn 13.500 ha, năng suất 170 tạ/ha, sản lượng 229,5 nghìn tấn; Rau 52.000 ha, năng suất 132 tạ/ha, sản lượng 686.400 tấn.

(Chi tiết các vụ có biểu kèm theo)

** Một số giải pháp chính:*

- Tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy đảng, quản lý, điều hành của chính quyền các cấp; phát huy vai trò của Mặt trận tổ quốc, các tổ chức chính trị xã hội, người dân và doanh nghiệp. Thực hiện tốt công tác tuyên truyền về chủ trương, định hướng phát triển sản xuất trồng trọt của địa phương; về cơ cấu cây trồng, thời vụ; về cơ chế chính sách, ... để người dân biết và thực hiện đúng quy định.

- Bố trí cơ cấu giống cây trồng và thời vụ hợp lý: lựa chọn các giống cây trồng có lợi thế, phù hợp với điều kiện của địa phương như thời tiết, đất đai, kháng sâu bệnh chủ yếu, ... Ưu tiên sử dụng các giống cây trồng có giá trị cao, có thị trường tiêu thụ. Phổ biến, hướng dẫn nông dân thực hiện tốt các biện pháp kỹ thuật sản xuất, sơ chế và bảo quản nông sản; ứng dụng quy trình tưới nước tiết kiệm, sản xuất nông nghiệp hữu cơ, quản lý dịch hại tổng hợp (IPM), sử dụng thuốc bảo vệ thực vật theo nguyên tắc “4 đúng”; “3 giảm, 3 tăng” (ICM) và quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (VietGAP), sử dụng phân bón

theo nguyên tắc 5 đúng 1 cân đối, ... Thường xuyên theo dõi diễn biến của thời tiết, sâu bệnh và tình hình sinh trưởng, phát triển của cây trồng; thực hiện tốt công tác dự tính, dự báo và dịch vụ phòng trừ sâu bệnh, đảm bảo kịp thời, hiệu quả và an toàn.

- Tiếp tục thực hiện tái cơ cấu ngành trồng trọt, gắn với tích tụ tập trung đất đai để sản xuất quy mô lớn. Chuyển dịch cơ cấu cây trồng theo hướng chuyên sang cây trồng có lợi thế phát triển, nhu cầu thị trường và thích ứng với biến đổi khí hậu; tập trung chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa, mía, sắn. Đẩy mạnh tích tụ tập trung đất đai theo Nghị quyết số 13-NQ/TU ngày 11/01/2019 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (khóa XVIII). Nhân rộng các mô hình, chuỗi liên kết sản xuất trồng trọt có hiệu quả cao. Khuyến khích và tạo mọi điều kiện tốt nhất cho các doanh nghiệp thuê đất, liên kết sản xuất với HTX, hộ nông dân trong sản xuất, chế biến và bao tiêu nông sản.

- Tăng cường công tác quản lý nhà nước về vật tư nông nghiệp và nâng cao chất lượng dịch vụ phục vụ sản xuất trồng trọt. Phổ biến các quy định về quản lý vật tư nông nghiệp và an toàn thực phẩm để nâng cao nhận thức chấp hành pháp luật của các tổ chức, cá nhân tham gia sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp và nông sản thực phẩm. Thanh tra, kiểm tra, giám sát, sớm phát hiện và xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm đảm bảo trên địa bàn không còn tình trạng lưu hành các loại vật tư đầu vào kém chất lượng ảnh hưởng đến năng suất, chất lượng và hiệu quả sản xuất trồng trọt. Điều hành tưới tiêu hợp lý đảm bảo đủ nước cho sản xuất và tiêu úng kịp thời khi xảy ra mưa lớn.

- Tiếp tục thu hút nguồn vốn đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng phục vụ sản xuất, tăng cường phòng chống giảm nhẹ thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu. Triển khai thực hiện các cơ chế chính sách từ nguồn vốn của Trung ương, chính sách bảo vệ phát triển đất trồng lúa. Tiếp tục đẩy mạnh triển khai thực hiện Nghị quyết 13-NQ/TU của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh, Nghị quyết 192/2019/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh về ban hành chính sách khuyến khích tích tụ tập trung đất đai để phát triển nông nghiệp quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao đến năm 2025; cơ chế chính sách phát triển cây ăn quả tập trung, rau ăn toàn tập trung chuyên canh,....

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Thanh Hóa báo cáo Cục Trồng trọt - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc Sở (để b/c);
- Lưu VT, TT.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Hoàng Việt Chơn